

CÔNG TY ĐIỆN LỰC SƠN LA
PHÒNG ĐIỀU ĐỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 21 tháng 9 năm 2026

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TUẦN 42
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH TUẦN 43

I. Thông số vận hành hệ thống :

a. Công suất sản lượng hệ thống

Thông số	A max ngày (MWh)	A min ngày (MWh)	P max ngày (MW)	P min ngày (MW)	A Tuần	A lũy kế	Sản lượng		
							Nhận HT	Nhận TĐ	Nhận ĐMT
Toàn tỉnh	3347,1	2988,0	239,3	75,7	22017,3	863169,8			
Ngành điện	3119,4	2948,0	234,8	70,0	21490,7	832678,2	12750,6	5594,5	1152,7
Tuần 41/2026	2890,4	2847,2	234,9	69,3	20038,5	811187,6	10297,1	6963,4	982,7
SST 42/41	7,9%	3,5%	0,0%	1,0%	7,2%	2,6%	23,8%	-19,7%	17,3%
Tuần 42/2025	2807,3	2690,3	209,9	74,5	19179,2	795212,8	7582,2	8763,8	849,7
SS Cùng kỳ	19,2%	11,1%	14,0%	1,7%	12,1%	4,7%	68,2%	-36,2%	0,0%

Công suất sản lượng thủy điện

HTĐ	Chiềng Ngâm		Sơ Vin		Tổng các TĐ nhỏ	
	Tuần	Lũy kế	Tuần	Lũy kế	Tuần	Lũy kế
A tuần (MWh)	311,8	8308,4	79,3	6490,5	6749,9	379344,1
Pmax (MWh)	1,8		2,8		116,1	
P min (MW)	0,6		1,0		18,4	

b. Công suất sản lượng A17.47 Sơ Vin

Tuần	A tuần (MWh)	Amax (MWh)	Amin (MWh)	Pmax(MW)	Pmin(MW)	A lũy kế (MWh)
41	175,3	45,6	12,4	2,8	0,5	6411,2
42	79,3	14,7	9,1	2,8	1,0	6490,5

c. Công suất sản lượng NMTĐ Chiềng Ngâm

Tuần	A tuần (MWh)	Amax (MWh)	Amin (MWh)	Pmax(MW)	Pmin(MW)	A lũy kế (MWh)
41	317,5	47,1	41,3	1,8	0,9	7996,6
42	311,8	47,0	41,3	1,8	0,6	8308,4

II. Cắt điện công tác TUẦN 42

Trong tuần thực hiện 45 công việc, trong đó cắt điện kế hoạch 15 vụ; đột xuất: 03 vụ; công tác hotline 27 vụ (26 vụ hotline theo KH; 01 vụ hotline ĐX). Chi tiết phụ lục I đính kèm. Cụ thể như sau:

- Công tác 110kV: 06 vụ.

- Cắt điện trung áp 12 vụ, cụ thể như sau:

+ Mai Sơn - Yên Châu: 01 vụ kế hoạch.

+ Mường La: 03 vụ kế hoạch; 01 vụ đột xuất.

+ Phù Yên - Bắc Yên: 01 vụ kế hoạch.

+ Sông Mã - Sốp Cộp: 01 vụ kế hoạch.

+ Thuận Châu - Quỳnh Nhai: 01 vụ đột xuất.

+ Khách hàng: 03 vụ kế hoạch, 01 vụ đột xuất.

- Công tác hotline tại các Điện lực: 27 vụ (26 vụ hotline theo KH; 01 vụ hotline ĐX), cụ thể như sau:

+ Mộc Châu - Vân Hồ: 14 vụ.

+ Mai Sơn - Yên Châu: 01 vụ (ĐX).

+ Thuận Châu - Quỳnh Nhai: 05 vụ.

+ Tô Hiệu: 06 vụ.

+ XNLĐ CT: 01 vụ.

- Chuyển phương thức cấp điện: Trong tuần thực hiện 03 vụ chuyển phương thức cấp điện từ các lộ đường dây trung áp khi công tác trên lưới điện.

Đơn vị	Thời gian		ĐTC cắt điện kế hoạch		ĐTC CCD Sự cố			ĐTC CCD lưới điện phân phối		
			Saiddi	Saifi	Maifi	Saiddi	Saifi	Maifi	Saiddi	Saifi
Công ty	Tuần	Tuần 42	5,07	0,10	0,23	0,52	0,01	0,01	0,44	0,08
	Tháng	Thực hiện tháng 10	24,21	0,15	1,28	5,46	0,16	0,16	8,27	0,15
		KH tháng 10	172,44	3,57	2,79	28,25	0,68	0,60	54,55	2,60
		So sánh TH/KH %	14,0%	4,1%	46,0%	19,3%	23,5%	26,4%	15,2%	5,8%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Lũy kế năm	Lũy kế	828,14	6,06	27,01	246,23	2,98	1,79	126,93	1,21
		KH năm	1264,01	15,97	28,51	269,02	3,50	2,25	192,59	4,10
		So sánh TH/KH %	65,5%	38,0%	94,7%	91,5%	85,2%	79,6%	65,9%	29,5%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Tô Hiệu	Tháng	Thực hiện tháng 10	1,76	0,01	0,35	0,00	0,00	0,08	1,75	0,01
		KH tháng 10	393,59	2,43	2,98	35,07	0,62	0,17	63,87	0,50
		So sánh	0,4%	0,4%	11,8%	0,0%	0,0%	45,5%	2,7%	1,8%

		TH/KH %								
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Lũy kế năm	Lũy kế	535,17	2,63	7,28	62,92	1,35	0,56	116,71	0,77
		KH năm	1014,17	4,11	5,77	97,99	1,52	0,66	186,27	1,30
		So sánh TH/KH %	52,8%	63,9%	126,0%	64,2%	88,8%	85,7%	62,7%	59,3%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

III. Lưu ý vận hành TUẦN 43

1. Công tác đảm bảo, ưu tiên cấp điện, thông báo ngừng cấp điện.

2. Công tác giảm suất sự cố và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

3. Đăng kí cắt điện kế hoạch:

Phối hợp cùng các Điện lực thực hiện theo kế hoạch như sau:

- Cắt điện lưới 110kV: 3 vụ.

- Cắt điện lưới trung áp 20 vụ; Điện lực MC-VH: 04 vụ; Điện lực MS-YC: 01 vụ; Điện lực Mường La: 07 vụ; Điện lực PY-BY: 02 vụ; DL SM-SC: 01 vụ; XNLĐ CT: 04 vụ; A17.61: 01 vụ;

Vệ sinh, Thi Công hotline, PD thiết bị, lắp SCV; đầu nối TBA 23 vụ; Điện lực MC-VH: 06 vụ. Điện lực SM-SC: 02 vụ; Điện lực Tô Hiệu: 15 vụ;

Chi tiết tại phụ lục II đính kèm.

4. Kế hoạch huy động thủy điện nhỏ thuộc quyền điều khiển

Thủy điện	Sản lượng tuần (MWh)	Pmax (MW)	Pmin (MW)
Chiềng Ngàm	211,2	1,8	1
A17.7	2217,6	13,2	13,2
A17.8	302,4	1,8	1,8
A17.9	252	1,5	1,5
A17.17	96,25	0,6	0,5
A17.18	1008	6	6
A17.19	0	0	0
A17.20	50	7	0
A17.26	672	4	4
A17.32	604,8	3,6	3,6
A17.40	672	4	4
A17.42	252	1,5	1,5
A17.43	798	6	0
A17.47	84	2,8	0
A17.48	728	8	0
A17.49	218,4	1,3	1,3
A17.51	118	1	0

A17.53	378	4	2
A17.54	690	5	3
A17.59	508,2	6,6	0
A17.61	1008	6	6
A17.64	210	1,5	0
Tổng	11078,85	87,2	49,4

IV. THÔNG SỐ VẬN HÀNH ĐƯỜNG DÂY VÀ PHÂN ĐOẠN

1. Thông số các xuất tuyến

STT	TRẠM	Đ/D	P(MW) (Có thủy điện)		P(MW) (Phụ tải thực tế)		Q (Mvar)	
			Max	Min	Max	Min	Max	Min
1	E17.1	372	3,3	-0,1	4,9	1,4	-0,1	-0,7
		374	1,9	-1,9	8,2	2,4	0,2	-1,0
		376	3,5	1,0	6,9	3,7	0,1	-0,6
		472	2,9	-0,9	5,4	2,5	-0,1	-0,8
		474			5,2	2,0	0,4	0,0
		476			6,5	1,6	0,6	-0,5
		478			4,5	1,6	0,3	-0,4
		471			5,5	1,4	0,5	-0,1
		473			2,3	0,7	0,0	-0,1
2	E17.2	371			5,2	-1,4	-0,1	-0,9
		373			11,7	-1,1	0,5	-1,3
		374			3,9	1,1	0,1	-0,2
		376			0,7	0,0	0,1	0,1
		378			4,5	1,8	0,9	-0,5
		471			2,3	0,5	0,0	0,0
		473	4,8	1,6	5,3	2,1	0,0	0,0
		474			1,8	0,4	0,1	-0,1
		476			5,1	1,8	0,1	-0,1
		478			1,8	-3,7	0,4	0,4
3	E17.3	371	1,2	-12,0	2,7	0,0	0,8	-0,3
		375	3,2	-2,1	5,9	-1,7	0,4	-0,6
		377			4,9	1,0	0,3	-0,2
		379	0,2	-5,5			0,0	-0,4
		381	1,3	-4,4			0,2	-0,8

		373	0,0	0,0			0,0	0,0
		376	0,0	0,0			0,0	0,0
		378	0,0	0,0			0,0	0,0
		673			0,1	0,0	0,0	0,0
4	E17.4	371	-0,2	-2,7	3,3	0,8	-0,3	-1,9
		373			9,2	3,0	0,0	-0,4
		375	7,0	0,0	8,8	1,8	0,4	-0,2
		377			2,5	1,2	-0,1	0,0
5	E17.5	371			3,5	3,5	0,4	-0,6
		373	6,8	0,0	8,6	3,2	0,0	-1,1
		375			8	3	0,7	-0,3
		471			2,7	1,1	0,2	0,0
		472			1,6	0,5	0,2	0,1
		372	0,0	0,0			0,0	0,0
6	E17.30	371			6,6	1,6	-0,3	-0,9
		373	5,1	-1,4	10,2	3,5	0,2	-1,4
		375	8,0	0,0	8,7	2,4	0,9	-0,8
7	E17.62	371			2,1	0,4	0,2	-0,2
		373			5,1	-1,9	1,0	-0,4
		375			13,9	5,4	1,6	-0,1
		471			1,8	0,2		
		473			1,4	0,4		
8	E17.66	371			7,1	2,2	0,8	-0,3
		373			3,8	-1,9	0,8	-0,6
		375			0,5	0,2	-0,1	-0,2
9	E17.67	371			0,6	0,0	0,0	-0,1
		373			5,2	1,6	0,3	-0,2
		471			0,6	0,0	0,1	0,0
		473			2,2	0,7	0,0	-0,1
		475			2,1	0,8	0,0	-0,1
		477			3,1	1,2	-0,1	-0,2

2. Các trạm cắt phân đoạn.

STT	TRẠM	PHÂN ĐOẠN	Giờ cao điểm			Giờ bình thường			Giờ thấp điểm		
			P (KW)	Q (kvar)	Cosφ	P (KW)	Q (kvar)	Cosφ	P (KW)	Q (kvar)	Cosφ
1	E17.1 Mộc Châu	372/92 Chiềng Ve	1277	21	0,98	710	-41	0,96	377	-70	0,97
		372/104 Bản Chiềng Ve	546	-33	0,95	301	-62	0,95	134	-48	0,93
		372/104 Tân Xuân	524	-51	0,97	325	-43	0,97	188	-45	0,98
		374/63 Phú Khoa	1622	-41	0,97	1018	-60	0,96	505	-64	0,96
		374/15A Chiềng Khoa	4029	63	0,97	2291	-97	0,96	1442	-148	0,95
		374/8 Bản Đạo	827	-76	0,97	582	-59	0,95	244	-71	0,96
		374/115 Co Súc	876	-54	0,97	569	-92	0,94	323	-74	0,95
		374/9 Mường Tè	835	-103	0,96	515	-49	0,95	327	-90	0,98
		471/105 Tiểu Khu 9	1109	-109	0,97	667	-28	0,96	280	-62	0,96
		472/91 Lóng Luông	1220	-49	0,98	689	-72	0,97	435	-53	0,96
		472/5 Bản Bon	625	-76	0,97	420	-53	0,96	167	-88	0,96
		473/106 Hang Dơi	1672	-80	0,97	1004	-54	0,97	607	-40	0,96
		476/76B Pa Khen	2908	-79	0,97	2065	-68	0,95	949	-116	0,96
		478/3C TK 19/8	2306	-83	0,96	1808	-75	0,97	928	-118	0,97
2	E17.2 Sơn La	378/40 NBMS	3952	145	0,97	3291	174	0,96	2335	114	0,95
		378/43/8 Bản Thảm	278	-38	0,96	206	-62	0,95	142	-67	0,98
		382/30 NBMS	7850	-43	0,95	5426	-95	0,97	3259	-142	0,96
		382/52/47 Nhà Tre	1835	-116	0,97	1164	-90	0,96	807	-136	0,97
		382/3 Hìn Đón	510	-94	0,90	362	-37	0,85	188	-122	0,65
		382/3 Nhà Ốt	1097	-91	0,97	782	-60	0,95	418	-77	0,95
		471/111 Tiểu Khu 1	1303	-51	0,96	1261	-65	0,98	756	-76	0,95
3	E17.3 Mường La	371/2 Bản Tìn	-6177	238	0,95	-6290	272	0,94	-980	108	0,95
		371/77 Bản	1090	-51	0,98	824	-54	0,96	741	-86	0,97

		Nong									
		371/140 Noong Quang	471	-104	0,95	302	-31	0,89	181	-32	0,84
		375/10 Bản Búng	437	-19	0,93	274	-51	0,75	167	-49	0,95
		375/106/35 Bản Sang	1206	-145	0,96	841	-71	0,96	486	-64	0,95
		375/157 Bản Hụn	866	-99	0,98	605	-64	0,96	409	-73	0,96
		375/184 Sao Va	488	-24	0,88	374	-40	0,85	162	-41	0,86
		375/3 Huổi Phày	890	-102	0,96	674	-76	0,98	496	-122	0,92
		378/165 Pắc Ngà	638	-71	0,96	441	-127	0,94	246	-116	0,91
		377/28 Hua Nậm	1673	-72	0,95	995	-47	0,96	804	-129	0,98
		377/103 Bản Kẽ	867	-35	0,94	618	-28	0,95	394	-54	0,97
		377/60 Hua Ít	1252	-6	0,98	980	-12	0,97	673	-33	0,96
		377/2 Huổi Phăng	808	-51	0,96	541	-79	0,97	363	-102	0,96
4	E17.4 Thuận Châu	371/6 Bản Hồm	529	-59	0,96	363	-91	0,94	170	-88	0,95
		371/97 Hua Ty	2024	-80	0,95	1176	-64	0,96	1010	-60	0,98
		371/126 Nong Vai	1221	-77	0,96	902	-85	0,98	708	-99	0,97
		371/31 Co Mạ	598	-63	0,94	398	-100	0,96	231	-128	0,96
		371/10 Pha Khuông	500	-64	0,97	329	-105	0,91	163	-87	0,97
		373/3 Bình Thuận	517	-88	0,97	358	-111	0,94	175	-105	0,9
		373/142 Pha Lao	1951	-122	0,97	1313	-46	0,95	642	-86	0,94
		375/64 Ba Nhất	1077	-102	0,96	747	-60	0,97	516	-66	0,94
		375/124 Bản Lào	4856	-121	0,96	3717	-115	0,94	1776	-137	0,93
		375/285 Bản Đông	2640	-154	0,96	2030	-73	0,97	1240	-125	0,96
		375/5 Bản Ca	942	-134	0,96	572	-46	0,97	393	-123	0,95
		375/381 Phiêng Lanh	1917	-37	0,96	1343	-73	0,95	867	-123	0,94
		375/480 Bản	900	-139	0,95	566	-141	0,88	310	-170	0,91

		Cút									
		375/4 Co Lúu	499	-72	0,77	315	-106	0,72	208	-91	0,71
		375/4 Hua Cầu	627	-88	0,94	454	-122	0,84	366	-53	0,85
5	E17.5 Phù Yên	371/1 Bản Pa Liên Lạc	2999	-139	0,97	2497	-106	0,96	1908	-111	0,96
		371/128 Suối Nhào	566	-23	0,95	357	-38	0,91	287	-131	0,88
		371/406 Bản Nhèm	487	-43	0,94	326	-76	0,82	213	-89	0,72
		371/1 Đồng Mã	453	-109	0,94	283	-37	0,84	198	-24	0,75
		373/101 Bản Mòn	4882	-171	0,96	4046	-98	0,95	2916	-195	0,96
		373/2 Tiểu Khu 1	445	-96	0,97	362	-60	0,87	237	-66	0,62
		373/107 Xím Vàng	498	-56	0,81	353	6	0,94	178	-67	0,73
		373/1 Háng Đồng	370	-100	0,92	257	-31	0,81	185	-117	0,55
		373/255 Bản Khoa	828	-46	0,97	516	-38	0,93	309	-85	0,94
		373/221 Suối Song	658	-67	0,94	386	-97	0,82	229	-83	0,8
		373/8 Tiểu Khu 2	1509	-117	0,98	1154	-32	0,96	694	-42	0,96
		373/7 Tà Đồ	565	-67	0,92	443	-89	0,78	285	-73	0,71
		375/124 Bản Ban	2130	-27	0,96	1448	-45	0,97	902	-63	0,96
		375/9 Bơm Nước	590	-29	0,94	360	-74	0,94	307	-57	0,92
		375/453/6 Bản Cải	2154	-62	0,97	1606	-87	0,94	849	-69	0,96
		375/391 Mường Do	1423	-140	0,97	913	-121	0,94	513	-80	0,85
6	E17.30 Sông Mã	371/122 Sầm Pối	1375	-82	0,97	783	-85	0,92	427	-159	0,84
		371/53/167A Mường Lạn	591	-111	0,96	329	-66	0,93	161	-72	0,61
		371/159 Bản Bánh	566	-79	0,89	311	-120	0,7	173	-54	0,55
		371/5 Bản Khá	520	-30	0,91	312	-77	0,88	194	-72	0,62
		373/4 Bang Búng	458	-121	0,93	314	-60	0,82	251	-61	0,61
		373/108 Nà Nghịu	4262	-151	0,96	4002	-139	0,95	2907	-102	0,96
		373/2 Phiêng	2666	-141	0,98	2230	-137	0,97	1679	-109	0,95

		Đồn									
		373/1 Bản Nầu	622	-112	0,97	422	-141	0,93	308	-150	0,91
		373/67 Mường Lằm	1288	-125	0,95	789	-132	0,95	544	-115	0,88
		375/152 Bản Nhạp	4318	-151	0,96	3442	-124	0,97	2863	-130	0,95
		375/289 Bản Pục	878	-75	0,95	599	-124	0,94	212	-89	0,79
7	E17.62 Mai Sơn	373/77/6 Tỉnh Bọt Sắn	1725	-89	0,98	1296	-57	0,95	795	-147	0,96
		375/104/8 Bản Lếch	8489	-87	0,98	5324	-19	0,96	3360	-82	0,97
		375/115/3 Cò Nòi	2255	-124	0,97	1472	-100	0,95	650	-113	0,95
		375/8/21 Nà Bó	1471	-106	0,97	793	-129	0,96	506	-69	0,95
		375/8/165 Pắc Ngà	634	-69	0,96	395	-15	0,93	226	-15	0,95
8	E17.66 Yên Châu	373/5 Tô Buông	584	-116	0,96	381	-42	0,92	187	-43	0,83
		373/107 Tà Làng 1	2733	-180	0,97	2032	-48	0,96	1287	-136	0,95
		373/3 Hát Sét	499	-68	0,89	274	-84	0,70	198	-73	0,68
		371/4 Ban Đán	1664	-155	0,97	1035	-103	0,94	639	-109	0,93
9	E17.67 Sơn La 2	373/68 Phiêng Tam	2333	-104	0,96	1627	-109	0,98	1149	-110	0,95
		373/35/3 Chiềng Cọ	725	-58	0,98	607	-85	0,93	388	-79	0,95
		373/35/3 Chiềng Đen	1149	-107	0,98	924	-122	0,97	608	-68	0,96

Phụ lục I
CHI TIẾT CẮT ĐIỆN TRONG TUẦN 42

STT	Công tác	Giờ dự kiến		Giờ thực hiện		Ngày bắt đầu	Đơn vị	Nội dung	Ghi chú
		Bắt đầu	Kết thúc	Bắt đầu	Kết thúc				
1	Khóa F79 MC 471/105 Tiểu Khu 9, MC 473/106 Hang Dơi	7:30	17:30	8:01	10:19	12/10/26	Mộc Châu	Vệ sinh hotline cách điện trên đ/d từ VT 157 - 163	Hotline
2	Khóa F79 MC 471/105 Tiểu Khu 9	7:30	17:30	14:13	16:05	12/10/26	Mộc Châu	Vệ sinh hotline cách điện trên đ/d từ VT 164 - 175	Hotline
3	Khóa F79 đ/d 478 E17.1 Mộc Châu → TBA Đăng Kiểm	7:30	11:30	7:51	10:15	13/10/26	Mộc Châu	ĐL Mộc Châu Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 03,03A, từ VT 13 - VT 18A và các TBA Khí Tượng, KS Thảo Nguyên, Xưởng Bột, CBNS.	Hotline
4	Cô lập đ/d 174 E17.50 (220kV Mường La) - 173 A17.46 (TĐ Nậm Pía 1), MC 173 A17.46 (TĐ Nậm Pía 1)	8:00	11:00	8:01	11:10	13/10/26	A17.46	A17.46 TĐ Nậm Pía 1 lắp đặt mới công tơ điện tử xoay chiều 3 pha tại ngăn lộ 173 (Lắp công tơ điện tử phục vụ theo dõi tổn thất cam kết không ảnh hưởng đến hệ thống đo đếm mua bán điện của nhà máy)	KH
5	Khóa F79 Đ/d 375 E17.66 Yên Châu - CDPT 371- 7/310 Bãi Sại	14:00	15:30	16:22	17:33	13/10/26	Mai Sơn	Thay 01 quả sứ đứng pha B bị phóng điện để ngăn ngừa sự cố. Tại VT 50/25.	Hotline (ĐX)
6	Khóa F79 các ngăn lộ 171 + 171 E17.67 Sơn La 2; 174 E17.2 Sơn La; 171 E17.4 Thuận Châu	7:30	15:30	7:34	15:19	14/10/26	XNLDCT	Trạm E17.67 Sơn La 2 vệ sinh hotline các thiết bị trong trạm.	Hotline
7	Khóa F79 lộ 472 E17.1 Mộc Châu	7:30	11:30	8:17	10:48	14/10/26	Mộc Châu	Thi công Hotline: Thay thế DCL chém đứng bằng DCL chém ngang. (Tại DCL 472-7/29/6 Chè Nhật, VT 61/29/6).	Hotline
8	Khóa F79 lộ 478 E17.1 Mộc Châu	13:30	18:30	7:51	16:03	14/10/26	Mộc Châu	Thi công Hotline: Xử lý tiếp xúc đầu cực pha A,C Tại CDPT 478-7/12A	Hotline

								UHT (VT 12A). Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 18A/1 - VT 18A/5, 24, 25, 25/1-25/21 và các TBA Nguyên III, Đội 70II, Đội 70, NL Xanh, Bản Bun 2.	
9	Khóa F79 lộ 474 E7.1 Mộc Châu	13:30	16:00	13:38	16:50	14/10/26	Mộc Châu	ĐL MC-VH thi công hotline theo kế hoạch (Thi công Hotline: Căn chỉnh tiếp xúc má DCL tại DCL 474-7/51/1 KS Hà Nội (VT 51); Xử lý tiếp xúc đầu cực pha B CDPT 474-7/13A Công Đoàn (VT 13A).	Hotline
10	Tách PD 371/140 Nong Quang từ DCL 371-1/166/2 Bản Áng - TBA Pá Cháy	15:50	16:00	15:50	16:05	14/10/26	Mường La	ĐL Mường La chặt cây có nguy cơ đổ vào đ/d khoảng cột 166/4-166/5.	ĐX
11	Cô lập MC 172 E17.3 (Mường La) & Đ/d 171 A17.29 (TĐ Pá Chiến) - 172 E17.3 (Mường La).	6:00	18:00	5:59	16:22	15/10/26	XNLDCT	- TNĐK, CBM các thiết bị ngăn lộ 172 (MC172, TI172, DCL 172-7, TU172); Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA ngăn lộ 172 Bảo trì bảo dưỡng thiết bị DCL 172-7. - Vệ sinh công nghiệp, kiểm tra thoát sét, XLKK đường dây	KH
12	Khóa F79 MC 476 E17.1 Mộc Châu	7:30	9:00	7:27	8:25	15/10/26	Mộc Châu	PV ĐL Mộc Châu thi công hotline thay sứ pha C VT 4/3.	Hotline
13	Tách Đ/d PD 375/8/165 Pắc Ngà từ DCL 375-7/8/167 Pắc Ngà - Nong Cóc - DCL 371-7/193 Hìn Phá	7:30	17:30	7:55	12:48	15/10/26	Phù Yên	Thay 11 quả sứ, 7 bát sứ thủy tinh, tháo bọc cách điện các vị trí sứ đỡ, không đảm bảo vận hành Từ VT 8/168 ÷ VT 8/231.	KH
14	Khóa F79 Đ/d 478 E17.1 Mộc Châu → TBA Đăng Kiềm	7:30	17:30	8:25	17:19	15/10/26	Mộc Châu	Vệ sinh cách điện Hotline: Các VT: 31, 42, 44, 52, VT 65- 73 , 89, 90 và các TBA Vườn Đào, Tiên Tiến , Tiên	Hotline

								Tiến 2.	
15	Khóa F79 Đ/d 474 E17.2 đến CDPT 474-7/41 Ngã 3 Chiềng Ngần. Khóa F79 Đ/d 478 E17.2 đến LBS 478-7/41 Bản Thẳm.	8:00	11:30	8:36	17:24	15/10/26	Tô Hiệu	Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 01 ÷ VT 10 và TBA Đền Đường T1 (VT 01) Đ/D mạch kép 474&478 E17.2 Sơn La.	Hotline
16	Khoa F79 Đ/d PĐ 371/97 Hua Ty - Co Mạ	8:00	15:00	9:01	15:48	15/10/26	Thuận Châu	Thi công Hotline: Thay 01 bát sứ pha B bị vỡ tại VT 122/22/7 ; Thay sứ chuỗi bị vỡ VT 122/7; VT 122/12	Hotline
17	Khóa F79 Đ/d PĐ 476/82 Pa Khen → Tân Lập → Tân Hợp.	10:30	17:30	9:06	13:40	15/10/26	Mộc Châu	Thi công Hotline: Lắp đặt 03 bộ CSV trên đ/d. tại các VT 111,145, 153/39.	Hotline
17	Tách Đ/d PĐ 375/285 Bản Đông từ DCL 375-7/326 Lọng Đán - DCL 375-7/352 Quỳnh Nhai - DCL 373-7/236 Quỳnh Nhai - DCL 373-7/198/68 Bệnh Viện	12:00	13:30	12:51	15:31	15/10/26	Thuận Châu	Tháo lều VT 345 và VT 347 do sạt lở VT 346 nguy cơ đổ cột không đảm bảo vận hành.	ĐX
19	Tách đ/d 174 E17.3 Mường La - 173 E17.50 Mường La; MC 174 E17.3 Mường La	6:00	18:00	6:17	17:04	16/10/26	XNLDCT	TNĐK, CBM các thiết bị ngăn lộ 174 (MC174, TI174, DCL 174-7, TU174). Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA ngăn lộ 174 Bảo trì bảo dưỡng thiết bị MC 174, DCL 174-7. Vệ sinh công nghiệp, kiểm tra thoát sét, XLKK đường dây 174 E17.3 Mường La - 173 E17.50 Mường La.	KH
20	Tách Đường dây 174 E17.6 Sơn La - 172 E17.2 Sơn La; MC 172 E17.2 Sơn La	6:00	20:00	6:44	21:36	16/10/26	XNLDCT	B01 công tác: Thay thế rơ le F21 cũ, lắp đặt rơ F87 mới cải tạo ghép nối tín hiệu cho rơ le F87L ngăn lộ 174 khi sử dụng MC 100 thay thế. B17 kết hợp công tác: Thay thế rơ le	KH

								F87L ngăn lộ 172 Trạm 110kV Sơn La E17.2. Thí nghiệm, test tín hiệu lên máy tính. Test PTP, ETE với NSO, OCC. Vệ sinh công nghiệp, kiểm tra thoát sét, XLKK đường dây 174 E17.6 Sơn La - 172 E17.2 Sơn La	
21	Tách Đ/d PĐ 375/8/21 Nà Bó từ DCL 375-7/8/100 Bản Học - DCL 375-7/8/149 Bản Pon	7:30	12:30	7:28	11:16	16/10/26	Mai Sơn	Thay thế 03 quả BU, 03 quả BI bị sự cố tại VT 8/129	KH
22	Khóa F79 Đ/d PĐ 371/31 Co Mạ - TBA Pá Pan	8:00	9:30	7:54	9:18	16/10/26	Thuận Châu	Thi công Hotline: Thay sứ chuỗi sứ bị vỡ VT 122/50	Hotline
23	Khóa F79 Đ/d PĐ 478/3C TK 19/8 → Sao Đỏ	7:30	17:30	8:13	16:54	16/10/26	Mộc Châu	Vệ sinh cách điện Hotline: Các VT: 14/3D/1 - VT 14/3D/9. VT 14/18D, 14/22C/7, 14/32C, 14/33C/6, 14/33C/11. 14/36C, 14/41C, 14/47C, 14/48C và các TBA Tiểu Khu 69, Cấp 3 Thảo Nguyên, S89 , Hoa Ban, Biên Cương.	Hotline
24	Đ/d 474 E17.2 đến CDPT b474-7/41 Ngã 3 Chiềng Ngần. Đ/d 478 E17.2 đến LBS 478-7/41 Bản Thẳm.	8:00	12:30	8:18	10:54	16/10/26	Tô Hiệu	Vệ sinh cách điện hotline: VT 11 ÷ VT 20 và TBA Chiềng Sinh 1 (VT 13)Đ/D 474&478 E17.2 Sơn La.	Hotline
25	Khóa F79 Đ/d PĐ 476/82 Pa Khen → Tân Lập → Tân Hợp.	7:30	9:00	8:46	16:59	16/10/26	Mộc Châu	Thi công Hotline: Lắp đặt 01 bộ CSV trên đ/d tại VT 153/50; Lắp đặt 02 bộ CSV trên đ/d. tại các VT 165/16, 165/37	Hotline
26	Khóa F79 Đ/d PĐ 371/97 Hua Ty - Co Mạ	9:30	12:00	10:20	11:33	16/10/26	Thuận Châu	Thi công Hotline: Thay sứ chuỗi sứ bị vỡ VT 118	Hotline
27	Khóa F79 Đ/d 474 E17.2 đến CDPT 474-7/41 Ngã 3 Chiềng Ngần.	14:00	17:00	14:12	17:13	16/10/26	Tô Hiệu	Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 23/1÷VT 23/15 và TBA Bản Lay (VT 23/4) TBA CQT TĐC Noong	Hotline

								Đúc (VT 23/15).	
28	Cô lập MC 171 E17.3 (Mường La); Đ/d 171 E17.3 (Mường La) - 171 A17.11 (TĐ Nậm Chiến 2)	6:00	16:00	6:23	16:22	17/10/26	XNLĐCT	XNLDDCTSL công tác theo kế hoạch (- TNĐK, CBM các thiết bị ngăn lộ 171 (TII71, DCL 171-7, TU171) - Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA ngăn lộ 171 - Vệ sinh công nghiệp, kiểm tra thoát sét, xử lý khiếm khuyết đường dây)	KH
29	Khóa F79 đ/d PĐ 478/3C TK 19/8 → Sao Đỏ	7:30	17:30	7:59	11:48	17/10/26	Mộc Châu	ĐL Mộc Châu vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 14/49C/15 - VT 14/49C/31 và TBA Vạn Xuân.	Hotline
30	Khóa F79 đ/d PĐ 375/106/35 Bản Sang - TBA Huổi Tát.	8:00	10:00	8:05	9:40	17/10/26	Thuận Châu	ĐL Thuận Châu thi công Hotline: Thay 01 bát sứ pha A VT 106/117.	Hotline
31	Khóa F79 đ/d 474 E17.2 đến CDPT 474-7/41 Ngã 3 Chiềng Ngần & đ/d 478 E17.2 đến LBS 478-7/41 Bản Thảm	8:00	11:30	8:52	11:10	17/10/26	Tô Hiệu	ĐL Tô Hiệu Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 21 ÷ VT 30 đ/d mạch kép 474 & 478 E17.2 Sơn La.	Hotline
32	Khóa F79 đ/d 476/82 Pa Khen - Tân Lập - Tân Hợp	8:00	17:30	8:59	11:38	17/10/26	Mộc Châu	ĐL Mộc Châu thi công hotline lắp đặt 03 bộ CSV đ/d tại các VT 165/58; 165/79; 165/77/8.	Hotline
33	Khóa F79 đ/d PĐ 375/184 Sao Vàng - TBA Huổi Tát	10:00	15:30	11:02	16:41	17/10/26	Thuận Châu	ĐL Thuận Châu Thi công Hotline: Thay 01 bát sứ pha A bị vỡ VT 106/243; 106/238	Hotline
34	Khóa F79 đ/d 474 E17.2 đến CDPT 474-7/41 Ngã 3 Chiềng Ngần.	14:00	17:30	14:30	16:59	17/10/26	Tô Hiệu	ĐL Tô Hiệu Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 29/1 ÷ VT 29/10	Hotline
35	Chuyển PT PĐ 377/28 Hua Nậm - Phú Rẻnh nhận điện 376 E29.2	23:30	16:20	23:29	18:06	17/10/26	Mường La	Cấp điện phụ tải PV tách trạm 110kV E17.3 Mường La	KH
36	Chuyển PT Đd 379, 381, C32 E17.3 Mường La nhận	23:20	16:15	23:36	17:57	17/10/26	Mường La	Cấp điện phụ tải PV tách trạm 110kV E17.3 Mường La	KH

	điện 376 E29.2 Than Uyên								
37	Chuyển PT cấp điện đ/d 375, 377, 383, 385 & C31 E17.3 Mường La nhận điện đ/d 371 E17.2 Sơn La Chuyển PT cấp điện đ/d 371 E17.3 Mường La nhận điện đ/d 375 E17.62 Mai Sơn	23:40	16:00	23:16	17:44	17/10/26	Mường La	Cấp điện phụ tải PV tách trạm 110kV E17.3 Mường La	KH
38	Cô lập đ/d 173 E17.3 (Mường La) - 171 A12.29 (TĐ Phìn Hồ) và MC 173 E17.3 (Mường La)	23:30	18:00	0:16	0:00	17/10/26	A12.29	A12.29: Bổ sung cột 6A giữa khoảng cột 6-7 nâng cao trình dây dẫn đảm bảo vận hành. B17: Kết hợp TNĐK ngăn MC 173 E17.3	KH
39	Tách MBAT1, MBAT2 trạm E17.3 Mường La.	0:00	16:00	0:06	17:15	18/10/26	XNLĐCT	Vệ sinh công nghiệp, XLKK ngăn lộ 131, MBA T1 TNĐK, CBM MBA T2, MC 332, CSV, cáp tổng 332, Thí nghiệm định kỳ, rà soát role bảo vệ, SCADA ngăn lộ 132, 332, MBA T2	KH
40	Cô lập C11, C12, MC 112, 171, 172, 173, 174 E17.3 (Mường La) - Đ/d 171 E17.3 (Mường La) - 171 A17.11 (TĐ Nậm Chiến 2	0:00	16:00	1:11	16:56	18/10/26	XNLĐCT	B17 công tác tại E17.3: - TNĐK, CBM các thiết bị ngăn lộ HGIS 132; MC112, TI112, TUC12, DCL 172-2, 174- 2, 112-2, Chống sét van CSC12 - Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA các ngăn lộ thanh cái C12 Bảo trì bảo dưỡng thiết bị MC112, DCL 112-1, 112-2, 174-2. - Thay thế MC 172, DCL 172-2 ngăn lộ 172; hoàn thiện đấu nối, kiểm tra, hiệu chỉnh, thí nghiệm, nghiệm thu và đưa vào vận hành hệ thống nhị thứ, nhị thứ, điều khiển, bảo vệ và SCADA. Lý do phát	KH

								sinh: Điều chỉnh thời gian cắt điện do phối hợp SCL thay MC 172, DCL 172-2. Điều chỉnh thời gian bắt đầu từ 00h- đến 16h00 theo yêu cầu bất khả dụng của NSMO đối với TĐ Nậm Chiến 2 (KH tháng đã ĐK từ 06h00 đến 19h00) A17.11 phục vụ B17 công tác	
41	Cô lập đ/d 174 E17.5 (Phù Yên) - 171 A17.56 (TĐ Hồng Ngài)	6:00	16:00	6:11	13:01	18/10/26	A17.56 TĐ Hồng Ngài	A17.56 vệ sinh và thay thế xứ cách điện vị trí cột 12	KH
42	Tách Đ/d 375E17.30 từ CDPT 375-7/153/3 Bản Khún đến TBA Huổi Hư	7:30	14:30	7:31	11:51	18/10/26	Sông Mã	ĐL SM-SC thực hiện công việc theo kế hoạch (Dựng cột & Cầu đầu TBA CQT Bản Khún 1 tại VT 153/22A vào VH. (Dự án nâng cao năng lực vận hành)	KH
43	Cắt điện đột xuất PD 371/2 Bản Tín - A17.59 - A17.51	7:30	8:30	7:32	0:00	18/10/26	A17.59	phục vụ NMTĐ Chiềng Muôn xử lý phát nhiệt pha A DCL 371-7/1A/122 Chiềng Muôn ngăn ngừa sự cố (Đ/d TSKH)	ĐX
44	Khóa F79 đ/d 474+478 E17.2	8:00	17:30	8:36	16:38	18/10/26	Tô Hiệu	phục vụ ĐL Tô Hiệu vệ sinh cách điện hotline theo kế hoạch (Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 31÷VT 40 Đ/D 474&478 E17.2 Sơn La; VT 57-71 đ/d 474 E17.2)	Hotline
45	Khóa F79 lộ 372 E17.1 Mộc Châu	7:25	17:00	7:41	11:30	18/10/26	Mộc Châu	theo kế hoạch phục vụ ĐL MC-VH công tác theo kế hoạch (Thi công Hotline: Lắp đặt 02 bộ CSV trên đ/d tại các VT 3A, 14. Thay 01 bát sứ tại pha A VT 23).	Hotline

Phụ lục II
CHI TIẾT KẾ HOẠCH CẮT ĐIỆN TRONG TUẦN 43

STT	Đơn vị công tác	Tên thiết bị, đường dây	Thời gian dự kiến			Nội dung công việc
			Ngày	Từ giờ	Đến giờ	
1	XNLD CT	Tách thanh cái C32, ngăn lộ 332, 376, 378, 379, 381, 312, TUC32 Trạm E17.3 Mường La	19/10	6.00	18.00	TNĐK, CBM các thiết bị ngăn lộ 379, 381, MC 312, TUC32, thanh cái C32 - Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA các ngăn lộ thanh cái C32 Bảo trì bảo dưỡng thiết bị MC 379, 381, 332, 312. - Vệ sinh công nghiệp, xử lý khiếm khuyết thiết bị ngăn lộ thanh cái C32, TUC32.
2	Điện lực Mường La	- Tách Đ/d 379 E17.3 ÷ DCL 379-7/65/1 Nà Lồi ÷ TD TĐ Huội Quảng - Tách Đ/d 381 E17.3 ÷ DCL 381-1/42 Ái Ngựa - Tách Đ/d 377 E17.3 từ DCL 377-7/33/7 Hua Nậm ÷ CDPT 379-7/28/1 Hua Nậm ÷ DCL 377-1/28 Hua Nậm	19/10	6.00	9.30	- Căn chỉnh CDPT 379-7/28/1 Hua Nậm, kiểm tra xiết tiếp xúc đầu cáp xuất tuyến tại VT 01 đ/d 379. - Kiểm tra xiết tiếp xúc đầu cáp xuất tuyến và thay 01 quả sứ đứng pha B tại VT 01 đ/d 381.
3	XNLD CT	- Tách Đường dây 176 E17.6 Sơn La - 173 E17.2 Sơn La - Tách ngăn lộ 173 trạm E17.2 Sơn La	19/10	6.05	6.00	- Thay thế role F87L ngăn lộ 173 Trạm 110kV Sơn La E17.2 - Thí nghiệm, test tín hiệu lên máy tính - Test PTP, ETE với NSO, OCC - Vệ sinh công nghiệp, kiểm tra thoát sét, XLKK đường dây 176 E17.6 Sơn La - 173 E17.2 Sơn La.
4	Điện lực MC-VH	Đ/d 372 E17.1 Mộc Châu → TBA Cửa Khẩu	19/10	07.30	17.00	Thi công Hotline: Lắp đặt 03 bộ CSV trên đ/d tại các VT 24, 34, 43.
5	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 478 E17.2 đến MC 478/72 Ka lắp đến TBA Green vision	19/10	8.00	11.30	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 73/1 đến VT 73/13 và TBA Trường Dây Nghề 3.
6	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 474 E17.2 đến LBS 474-7/77 Đăng Kiểm.	19/10	14.00	17.30	Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 29/16 ÷ 29/20.
7	A17.61	Tách đ/d 383, 385 E17.3 Mường La- 371, 372 A17.61 Ngọc Chiến.	20/10	5.30	19.30	Chặt cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn điện tại VT 36, 37

8	XNLD CT	- Tách thanh cái C11, MBAT1, ngăn lộ 131, 171, 173, 112 trạm E17.3 Mường La	20/10	6.00	19.00	TNĐK, CBM các thiết bị ngăn lộ HGIS 131; TUC11, DCL 171-1, 112-1, Chống sét van CSC11 - Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA các ngăn lộ thanh cái C11, 112 Bảo trì bảo dưỡng thiết bị DCL 171-1.
9	XNLD CT	Tách MBAT1, ngăn lộ 131, 331, 631 Trạm E17.3 Mường La	20/10	6.00	12.00	- TNĐK, CBM các thiết bị MBAT1, ngăn lộ 331, 631, Chống sét van các phía MBAT1, cáp tổng 331, 631. + Đo điện trở tiếp địa trạm - Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA ngăn lộ 131, 331, 631, MBA T1
10	XNLD CT	Tách thanh cái C31, ngăn lộ 331, 371, 373, 375, 377, 383, 385, 312, TUC31 Trạm E17.3 Mường La	20/10	6.00	19.00	TNĐK, CBM các thiết bị ngăn lộ 371, 373, 375, 377, TI 312, TUC31, MBA TD31, cáp 312, thanh cái C31 - Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA các ngăn lộ thanh cái C31 Bảo trì bảo dưỡng thiết bị MC 331, 371, 373, 375, 377. - Vệ sinh công nghiệp, xử lý khiếm khuyết thiết bị ngăn lộ 383, 385, thanh cái C31, TUC31.
11	Điện lực Mường La	Tách Đ/d 377 E17.3 ÷ DCL 377-1/33/7 Nậm Păm ÷ DCL 377-1/60 Hua Ít	20/10	6.00	9.30	- Căn chỉnh DCL377-7/43 Tiểu Khu 3, DCL 377-7/9A/1 Tiểu Khu 5 và thay sứ pha B tại VT 9A/1; Thay 01 quả sứ pha B tại VT 58/12/1A.
12	Điện lực PY-BY	Tách Đ/d PĐ 371/128 Suối Nhào từ CDPT 371-7/310 Bãi Sại - DCL 371-1/345 (Co Mường)	20/10	7.30	13.30	Thay 16 quả sứ, 09 bát sứ thủy tinh, tháo bọc cách điện các vị trí sứ đỡ không đảm bảo vận hành. Lắp đặt mới 03 quả CSV Đ/d Từ VT 311 ÷ VT 344
13	Điện lực MC-VH	Đ/d 372 E17.1 Mộc Châu → TBA Cửa Khẩu	20/10	07.30	17.00	Thi công Hotline: Lắp đặt CSV trên đ/d tại các VT 49/6, 76/3, 84, 88/14, 88/26, 88/34/6. Thay 01 bát sứ pha C bị vỡ tại VT 58/82.
14	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 478 E17.2 đến MC 478/72 Ka lắp đến TBA Green vision	20/10	8.00	11.30	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 73 đến VT 87.
15	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 471 E17.2 đến MC 471/111 TK I.	20/10	14.00	17.30	Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 54 đến VT 68.

16	XNLD CT	Tách thanh cái C61, ngăn lộ 631, 671, 673, 675, 641, TUC61 Trạm E17.3 Mường La	21/10	6.00	19.00	TNĐK, CBM các thiết bị ngăn lộ 671, 673, 641, TUC61, MBA tự dùng TD61, cáp TD61, thanh cái C61 - Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA các ngăn lộ thanh cái C61 Bảo trì bảo dưỡng thiết bị MC 631, 671, 673, 641. - Vệ sinh công nghiệp, xử lý khiếm khuyết thiết bị ngăn lộ 675, 641-3 thanh cái C61, TUC61.
17	Điện lực Mường La	Tách đ/d PĐ 371/2 Bản Tin → TĐ Nậm Chiến 3 → TĐ Chiềng Muôn	21/10	7.15	16.00	Kiểm tra chặt cây trong và ngoài hành lang tuyến từ DCL 371-7/2 Bản Tin đến DCL 372-7 Nậm Chiến 3
18	Điện lực MC-VH	Đ/d 372 E17.1 Mộc Châu → TBA Cửa Khẩu	21/10	07.30	17.00	Thi công Hotline: Lắp đặt CSV trên đ/d tại các VT 88/34/6, 88/52, 93. Thay 01 bát sứ pha B bị vỡ tại VT 92/4/1.
19	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 372/92 Chiềng Ve từ LBS 372-1/92/57 Co Phương → TBA Cột Mốc. (Phần đ/d đang nhận điện từ đ/d 376)	21/10	07.30	11.30	Thi công Hotline: Lắp đặt CSV trên đ/d tại VT 92/95.
20	Điện lực SM-SC	Tách đ/d PĐ 373/206 Nậm Ty → Vt tách lèo 208.	21/10	07.30	15.30	Tách lèo Tại VT 208 PV: Thay MC 373/206 Nậm Ty, thay tủ điều khiển và phụ kiện tại VT 206. (DA đa chia đa nối) Kết Hợp: di chuyển tuyến Đ/d tại VT 206
21	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 478 E17.2 đến MC 478/72 Ka lắp đến TBA Green vision	21/10	8.00	11.30	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 88 đến VT 101 và TBA Nà Ngùa.
22	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 372/104 Tân Xuân → TBA Cột Mốc	21/10	13.30	16.30	Thi công Hotline: Thay 01 bát sứ pha C bị vỡ tại VT 92/170.
23	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 471 E17.2 đến MC 471/111 TK I.	21/10	14.00	17.30	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 69 đến VT 84 và TBA Noong La 3.
24	Điện lực Mường La	PĐ 377/2 Mù Cang Chải - Xã Chế Tạo	22/10	6.00	18.30	PV Điện lực Nghĩa Lộ (PC Yên Bái): Hạ dây dẫn PV thi công kéo cáp 110kV giao chéo khoảng cột 05 sang 06 sau DCL 377-1/2 Mù Cang Chải
25	Điện lực Mường	Tách Đ/d PĐ 377/60 Hua Ít Từ VT tách lèo 140/31 ÷ TBA Lọng Bong	22/10	6.30	18.30	Tách lèo VT 140/31; hạ dây từ VT 140/31 ÷ VT 140/32 PV:

	La					- Thi công đ/d 110kV thủy điện Chế Tạo (Phìn Hồ) giao chéo phía trên khoảng cột từ VT 140/31 ÷ 140/32
26	Điện lực MC-VH	Đ/d PD 372/104 Bản Chiềng Ve → TBA Cửa Khẩu	22/10	07.30	16.30	Thi công Hotline: Lắp đặt CSV trên đ/d tại các VT 105, 116, 135/2, 143/9. Thay 01 bát sứ pha C bị vỡ tại VT 127, 137. Đầu nối TBA Công An Lóng Sập (MXD) VT 120.
27	Điện lực MC-VH	Đóng điện Đ/d PD 372/104 Bản Chiềng Ve từ DCL 332 -3 TBA Công An Lóng Sập → MBA Công An Lóng Sập	22/10	17.00	17.30	Đóng điện TBA Công An Lóng Sập vào VH tại VT 120/3 (MXD).
28	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 475 E17.67 Sơn La 2 đến LBS 473-7/192 xỏ số đến MC 476/181 Hoa ban đến LBS 476-7/180 Đô Thị.	22/10	8.00	11.30	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 211 ÷ VT 222 và TBA Công An TP (VT 222) và TBA Bản Lầu (VT 216) đ/d 473 E17.2
29	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 471 E17.2 đến MC 471/111 TK I.	22/10	14.00	17.30	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 85 đến VT 100 TBA Noong La 1.
30	Điện lực Mường La	PD 377/2 Mù Cang Chải - Xã Chế Tạo	23/10	6.00	18.30	PV Điện lực Nghĩa Lộ (PC Yên Bái): Hạ dây dẫn PV thi công kéo cáp 110kV giao chéo khoảng cột 05 sang 06 sau DCL 377-1/2 Mù Cang Chải
31	Điện lực Mường La	Tách Đ/d PD 377/60 Hua Ít Từ VT tách lều 140/31 ÷ TBA Lọng Bong	23/10	6.30	18.30	Tách lều VT 140/31; hạ dây từ VT 140/31 ÷ VT 140/32 PV: - Thi công đ/d 110kV thủy điện Chế Tạo (Phìn Hồ) giao chéo phía trên khoảng cột từ VT 140/31 ÷ 140/32
32	Điện lực MS-YC	Tách Đ/d PD 375/86 Tiểu khu 32 từ DCL 375-7/96/16 Minh Thúc - TBA CN Minh Thúc	23/10	7.30	11.30	Thí nghiệm đo đếm TU, TI tại VT 96/16 (TS KH)
33	Điện lực PY-BY	Tách Đ/d PD 371/1 Đồng Mã → Đá Mài	23/10	8.00	14.30	Thay 7 quả sứ đứng, 11 bát sứ thủy tinh, tháo ống bọc cách điện không đảm bảo vận hành từ VT 103/3 ÷ VT 103/91
34	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 474 E17.2 đến LBS 474-7/77 Đăng Kiểm.	23/10	8.00	11.30	Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 41 ÷ VT 50 và TBA Bản Cang (VT 47).
35	Điện lực	Đ/d 471 E17.2 đến MC 471/111 TK I.	23/10	14.00	17.30	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 101 đến VT 109

	Tô Hiệu					đến 109/4 và TBA Huổi Hìn 1.
36	Điện lực MC-VH	Tách đ/d 474 E17.1 Mộc Châu từ DCL 474-7/15 Công Đoàn → DCL 474-1/20A/1 KM 72 → CDPT 474-1/41 Bản Mòn	24/10	06.30	10.30	Di chuyển tuyến đ/d từ VT 27 - VT 30. (GPLH đất của KH)
37	Điện lực MC-VH	Tách đ/d 372 E17.1 Mộc Châu → CDPT 372-1/4A/1 TK77 → CDPT 376-7/37A/1 Tự Nhiên → VT tách lều 21	24/10	06.30	15.30	- Tách lều VT 21 PV: - Dựng cột, di chuyển tuyến đ/d từ VT 15 - VT 17. (GPLH đất của KH) - PV. Di chuyển tuyến đ/d 22kV giao chéo phía trên VT 20 - VT 21 đ/d 372 E17.1 Mộc Châu
38	Điện lực MC-VH	Tách đ/d 376 E17.1 Mộc Châu → CDPT 372-1/4A/1 TK77 → CDPT 376-7/37A/1 Tự Nhiên → VT tách lều 27	24/10	06.30	15.30	- Tách lều VT 27 PV di chuyển tuyến đ/d 22kV giao chéo phía trên VT 26 - VT 27 đ/d 376 E17.1 Mộc Châu - Nâng cao trình, thay xà VT 24, 25, 26
39	Điện lực SM-SC	Đ/d 375E17.30 đến CDPT 375-7/361 Nhà Un	24/10	7.30	15.30	Thi công hotline: Tách lều tại VT 153/104 (lều nhánh rẽ vào TBA Phiêng Piêng). PV: câu đầu LBS tại VT 153/104/22/1. (Dự án đa chia đa nối)
40	Điện lực SM-SC	Đ/d 371E 17.30 Sông Mã - LBS 373-7/52/85 Hìn Pên - TBA Huổi Làn	24/10	7.30	15.30	Thi công hotline: tách lều tại VT 40 (lều nhánh rẽ vào TBA Pá Hốc). PV: câu đầu MC Reclose tại VT 40/2 ('Dự án đa chia đa nối):